

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1302/2025/DS-ST
Ngày: 29/9/2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hiền Lữ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Dương Hoàng Chinh
- Bà Nguyễn Thị Tường Thu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Phong - Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai Vụ án dân sự thụ lý số 2377/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1486/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 2539/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V

Trụ sở: số H đường L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 2002

Địa chỉ: Tầng A Tòa nhà A, số I đường C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1987

Địa chỉ: số nhà E đường Đ, Khu phố F, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Ngân hàng thương mại cổ phần V và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền ông Huỳnh Ngọc T1, bà Nguyễn Thị Thùy T:

Ngày 09/8/2023, Ngân hàng thương mại cổ phần V (tên viết tắt V1) nhận được hồ sơ đề nghị vay vốn của bà Nguyễn Thị Thanh H theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ. Sau khi xem xét hồ sơ vay vốn của bà H, ngày 26/8/2023 V1 đồng ý ký hợp đồng và cấp thẻ tín dụng cho bà H với hạn mức 526.310.160 đồng, thời hạn 60 tháng kể từ ngày giải ngân 26/8/2023, ngày kết thúc thời hạn vay là ngày 15/8/2028, mục đích vay phục vụ nhu cầu đời sống. Lãi suất 35,20%/năm, biên độ điều chỉnh tối đa 23%/năm.

Ngày 26/8/2023 ngân hàng đã giải ngân cho bà H qua thẻ tín dụng, bà H đã nhận tiền vay nhưng không thanh toán theo đúng quy định.

Do bà H vi phạm phương thức và thời hạn thanh toán nên Ngân hàng nhiều lần gửi thông báo cho bà H yêu cầu thanh toán trước hạn nhưng bà H không thực hiện.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà H thanh toán cho ngân hàng số tiền 318.113.900 đồng, gồm 262.374.868 đồng nợ gốc và 55.739.032 đồng nợ lãi.

Vì vậy ngân hàng yêu cầu bà H thanh toán số tiền 646.111.202 đồng, trong đó nợ gốc 263.935.292 đồng, tiền lãi trong hạn 8.997.741 đồng (từ ngày 26/8/2023 đến ngày 14/9/2023), tiền lãi quá hạn 373.178.169 đồng (từ ngày 15/9/2023 đến ngày 29/9/2025).

Tại bản tự khai ngày 13/9/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Ngày 09/8/2023 bà có liên hệ V1 đề nghị vay tiền. Đến ngày 26/8/2023 ngân hàng giải ngân cho bà số tiền vay 526.310.160 đồng. Sau khi vay kinh tế khó khăn nên bà chưa có khả năng thanh toán. Bà đồng ý trả nợ theo yêu cầu của V1 nhưng đề nghị gia hạn về thời gian.

Bà Nguyễn Thị Thanh H vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên các yêu cầu, ý kiến đã trình bày. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bà Nguyễn Thị Thanh H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 646.111.202 đồng, trong đó nợ gốc 263.935.292

đồng, tiền lãi trong hạn 8.997.292 đồng, tiền lãi quá hạn 373.178.169 đồng và thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi bà H thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn cư trú tại phường P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn đã tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định. Tuy nhiên do bận công việc nên có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn, đã được triệu tập tham gia phiên tòa ngày 05/9/2025 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án tiếp tục triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn có quan hệ giao dịch vay tài sản nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở xem xét.

[2.1] Xét lời khai của nguyên đơn phù hợp với lời khai của bị đơn và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ1 DSA/VN0010325/2023 ngày 26/8/2023 nên có căn cứ xác định ngày 26/8/2023 nguyên đơn và bị đơn có phát sinh giao dịch vay tài sản. Thỏa thuận số tiền vay 526.310.160 đồng, thời hạn 60 tháng, lãi suất 35,20%/năm, biên độ điều chỉnh tối đa 23%/năm.

Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân tiền vay cho bị đơn bằng hình thức chuyển tiền vào thẻ tín dụng của bị đơn. Sau khi nhận thẻ và sử dụng tiền vay, nguyên đơn thừa nhận đến nay bà H đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 318.113.900 đồng, gồm 262.374.868 đồng nợ gốc và 55.739.032 đồng nợ lãi nên còn nợ nguyên đơn số tiền gốc 263.935.292 đồng và tiền lãi từ ngày 26/8/2023 đến ngày 29/9/2025 là 382.175.910 đồng, gồm lãi trong hạn 8.997.741 đồng và lãi quá hạn 373.178.169 đồng.

[2.2] Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ngày 13/9/2012 bị đơn đã viết bản tự khai xác nhận có vay tiền của nguyên đơn nhưng chưa có khả năng thanh toán. Sau đó bị đơn không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không giao nộp chứng cứ chứng minh về việc đã thanh toán đầy đủ tiền vay cho nguyên đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của phía nguyên đơn, phù hợp với lời khai của bị đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xem xét và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, đúng quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 3, Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần V về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Nguyễn Thị Thanh H;

Bà Nguyễn Thị Thanh H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 646.111.202 (sáu trăm bốn mươi sáu triệu một trăm mười một ngàn hai trăm lẻ hai) đồng; trong đó tiền nợ gốc 263.935.292 đồng, tiền lãi trong hạn 8.997.714 đồng, tiền lãi quá hạn 373.178.169 đồng.

Về lãi suất: Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền chưa thanh toán tính từ ngày 30/9/2025 cho đến khi thanh toán toàn bộ số tiền nợ theo lãi suất hai bên thỏa thuận tại Giấy đăng ký kèm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm đã ký ngày 26/8/2023.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 29.844.448 (hai mươi chín triệu tám trăm bốn mươi bốn ngàn bốn trăm bốn mươi tám) đồng, nộp tại Thi hành án dân sự Thành phố H.

Ngân hàng thương mại cổ phần V được nhận lại 14.278.734 (mười bốn triệu hai trăm bảy mươi tám ngàn bảy trăm ba mươi bốn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0026914 ngày 17/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND KV2 - TP. HCM;
- THADS TP. HCM;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Hiền Lũy